



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

: **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

: Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh

: Nước sạch

: Trạm cấp nước Định Hiệp, ấp Định Hiệp, xã Dầu Tiếng, Thành

: phố Hồ Chí Minh

: Toạ độ: 11.308919; 106.425816

: **040926-086**

: Mẫu nước đựng trong can nhựa 2,0L và chai thủy tinh 0,5L

: 01 mẫu

: 04/09/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result

: 11/09/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				040926-086	
1	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3	(a) Arsen/Arsenic	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4	(a) Clo dư tự do/ Free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,45	0,2 – 1,0
5	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
6	(a) Màu sắc /Color	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7	(a) Mùi/ Odor	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,90	6,0 – 8,5
9	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10	(a) Chỉ số permanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1:2024/BYT.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ
 Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
 Địa chỉ/ Address : NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
 Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân Nguyễn Thanh Phong, ấp Đồng Trai, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Định Hiệp)
 Mã số mẫu/ Code of sample : Toạ độ: 11.308235; 106.429013
 Mô tả mẫu/ Sample description : 040926-087
 Số lượng/ Quantity : Mẫu nước đựng trong can nhựa 2,0L và chai thủy tinh 0,5L
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 01 mẫu
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 04/09/2026 : 11/09/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
				040926-087	
1	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3	(a) Arsen/Arsenic	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4	(a) Clo dư tự do/ Free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,43	0,2 – 1,0
5	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
6	(a) Màu sắc /Color	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7	(a) Mùi/ Odor	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,70	6,0 – 8,5
9	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10	(a) Chỉ số permanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1:2024/BYT.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)


Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director


Phan Duy Hưng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ
 Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
 Địa chỉ/ Address : NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Loại mẫu/ Type of sample : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch
 Mã số mẫu/ Code of sample : Hộ dân Nguyễn Văn Cư, ấp Dáng Hương, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Định Hiệp)
 Mô tả mẫu/ Sample description : Toạ độ: 11.306817; 106.454891
 Số lượng/ Quantity : 040926-088
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : Mẫu nước đựng trong can nhựa 2,0L và chai thủy tinh 0,5L
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 04/09/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 11/09/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
				040926-088	
1	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3	(a) Arsen/Arsenic	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4	(a) Clo dư tự do/ Free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,40	0,2 – 1,0
5	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
6	(a) Màu sắc /Color	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
7	(a) Mùi/ Odor	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,80	6,0 – 8,5
9	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10	(a) Chỉ số permanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1:2024/BYT.



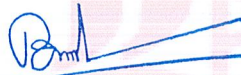
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No.: 04092605/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/ Not implemented;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng